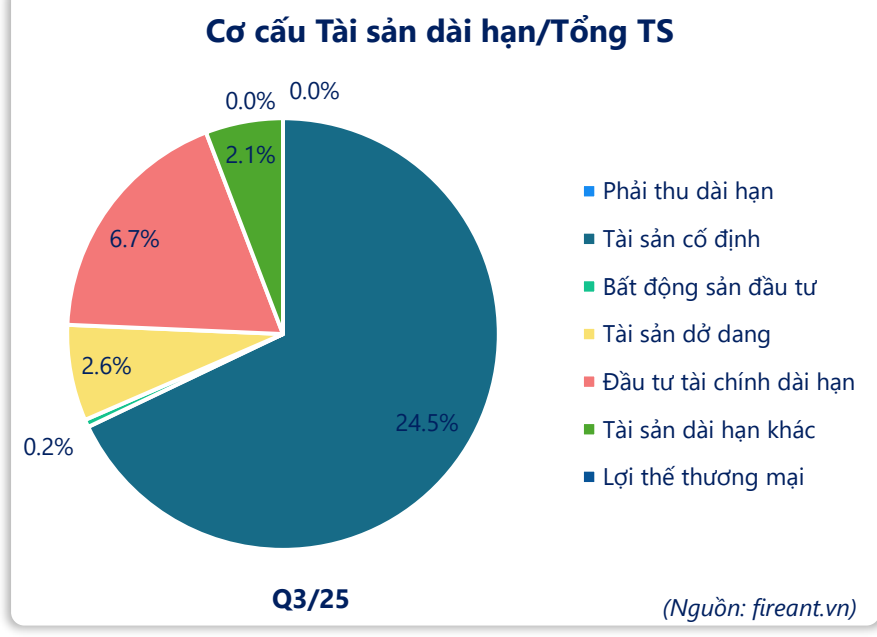
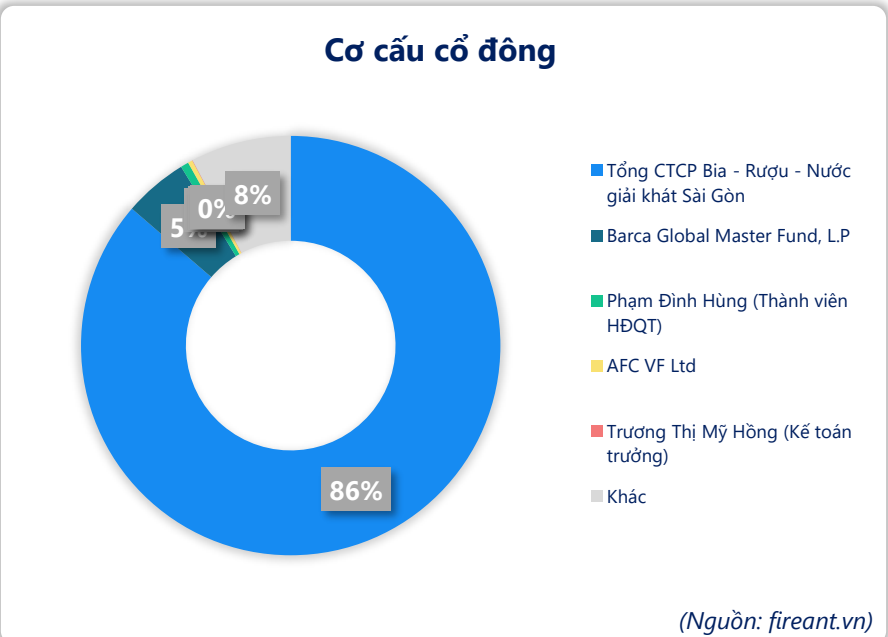
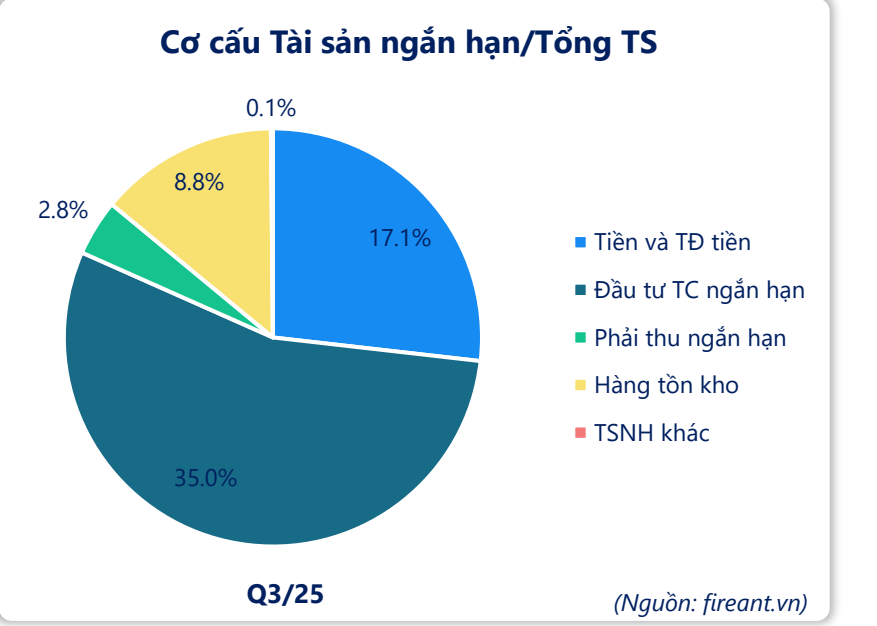
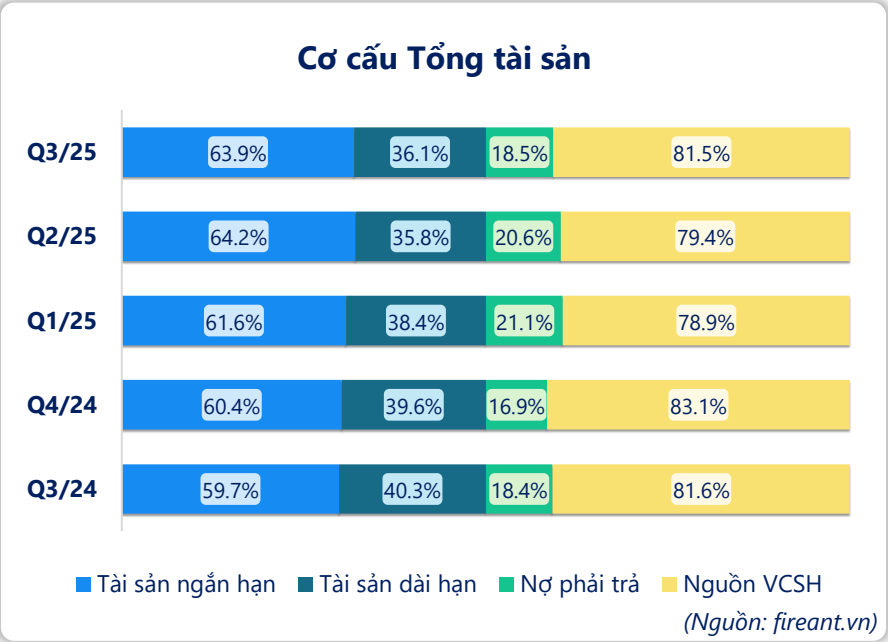
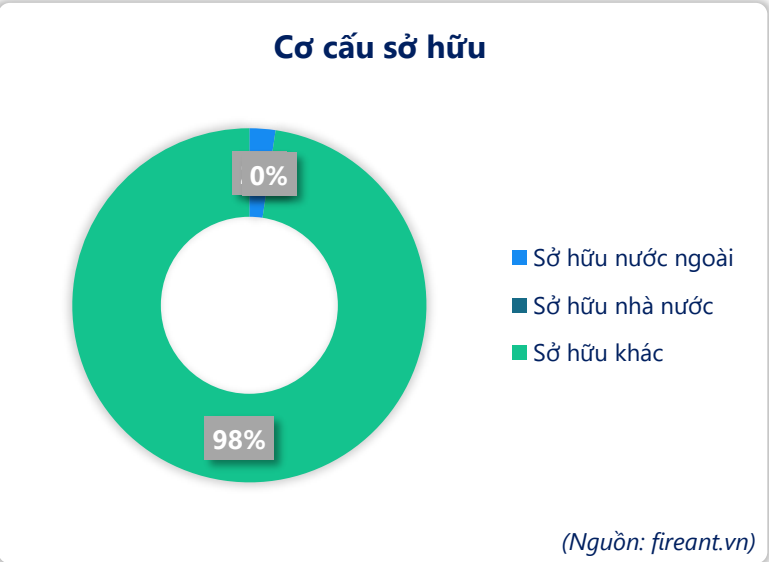
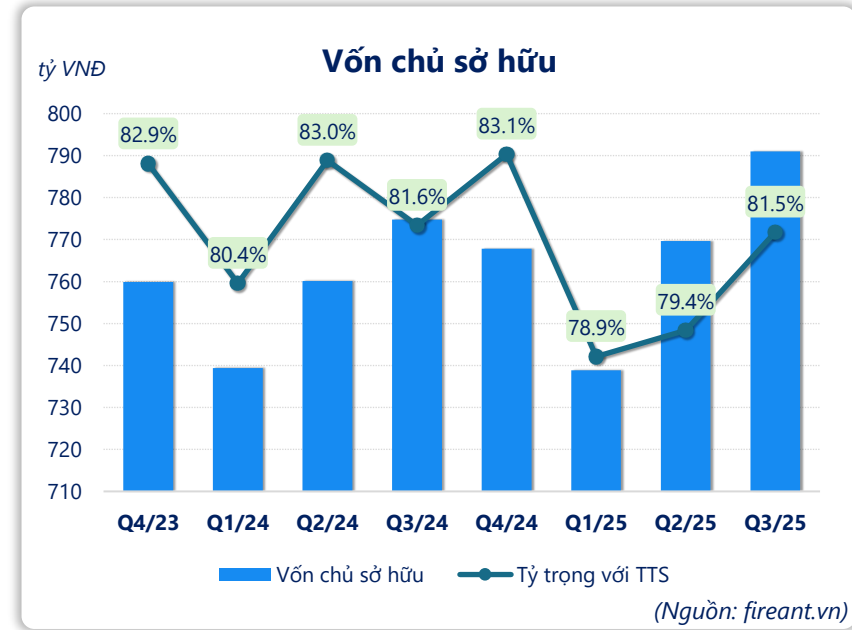
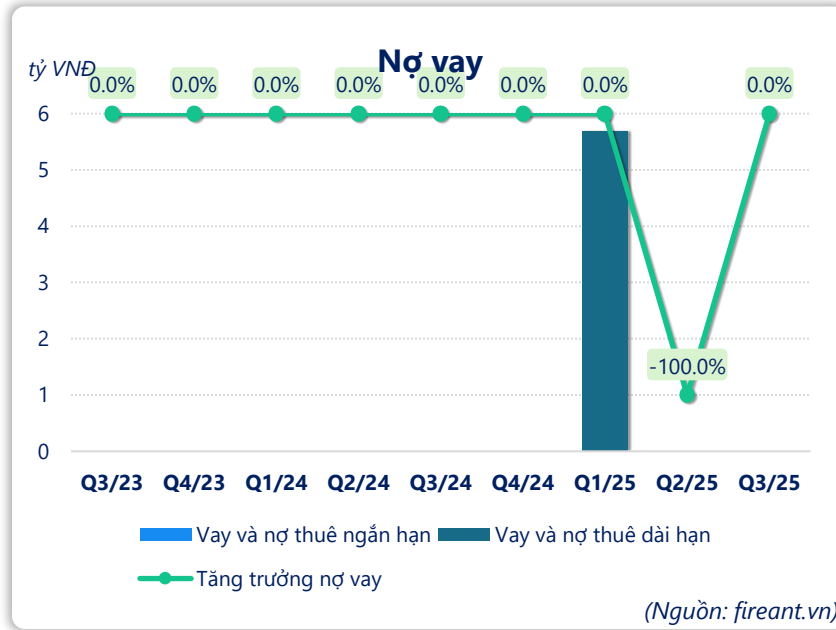
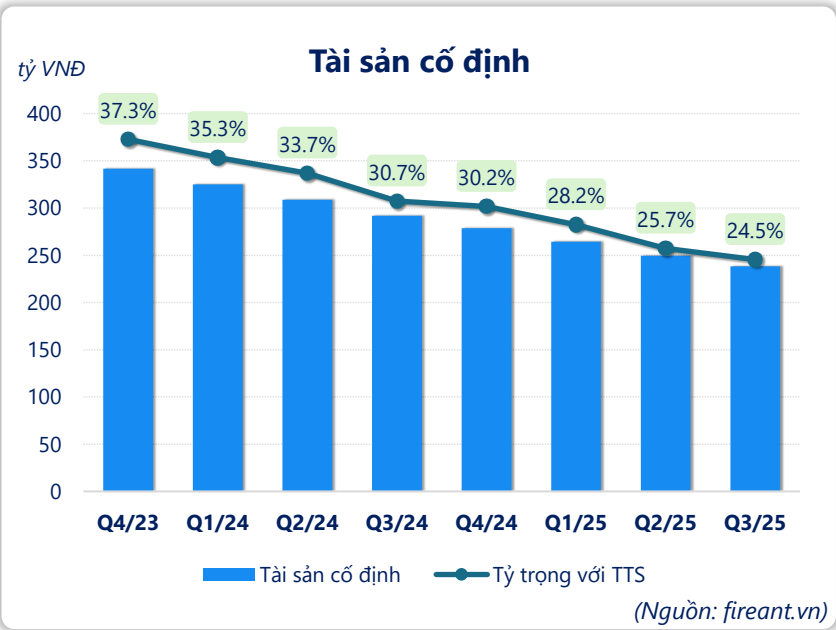
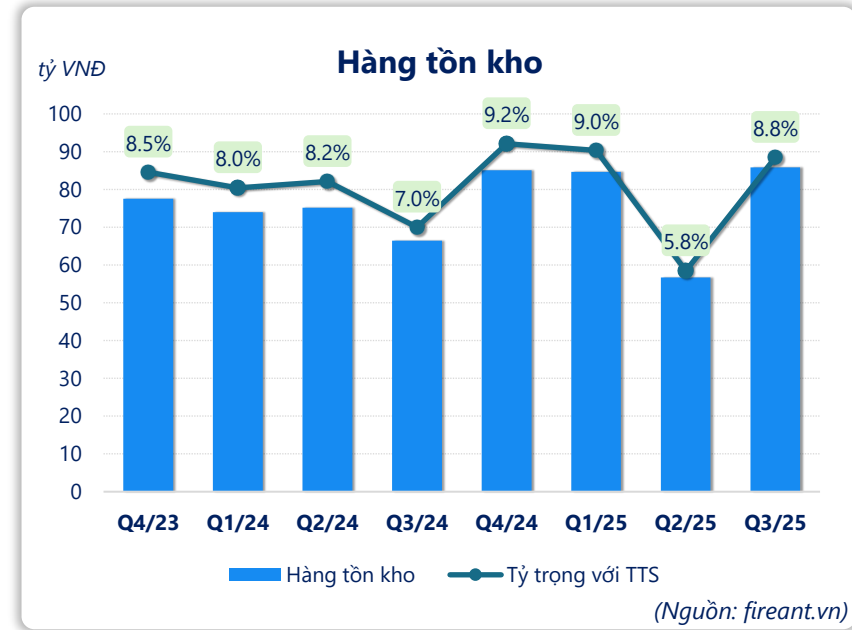
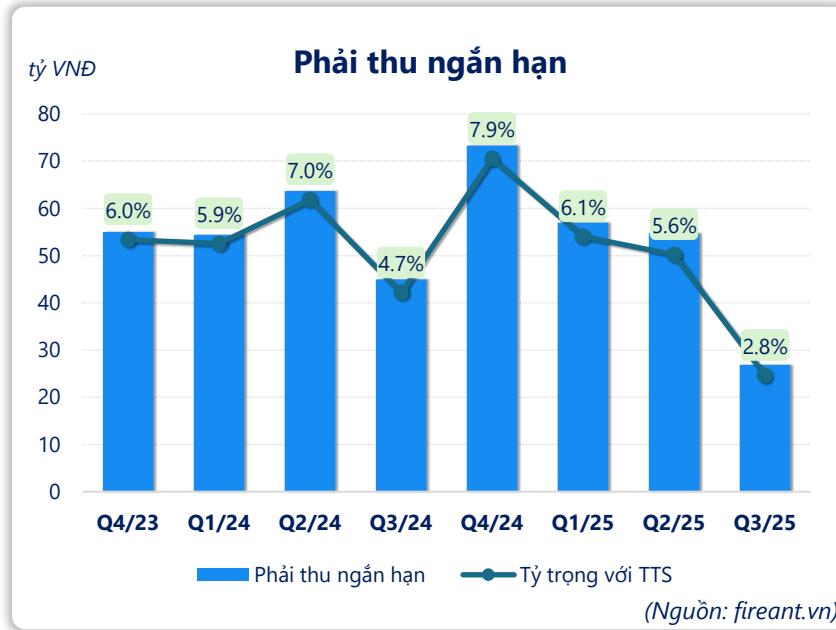
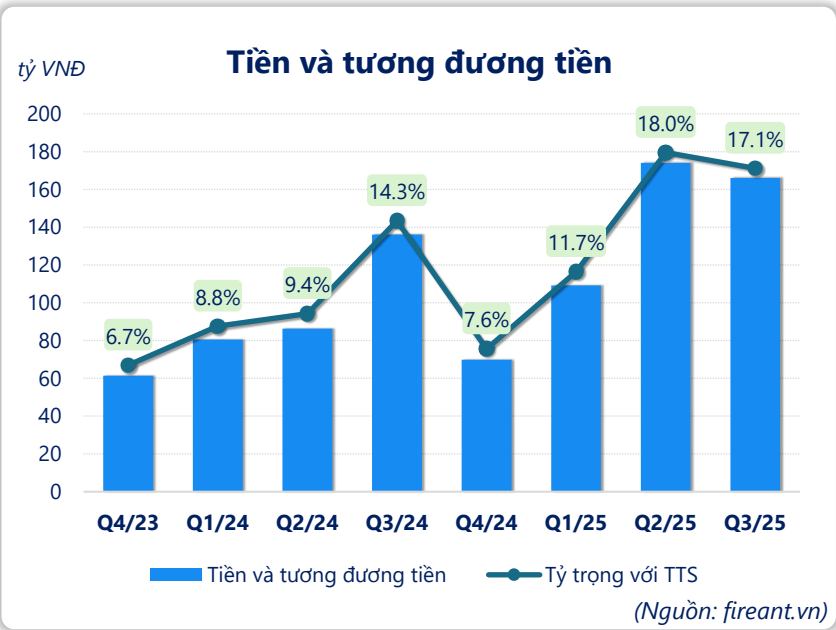
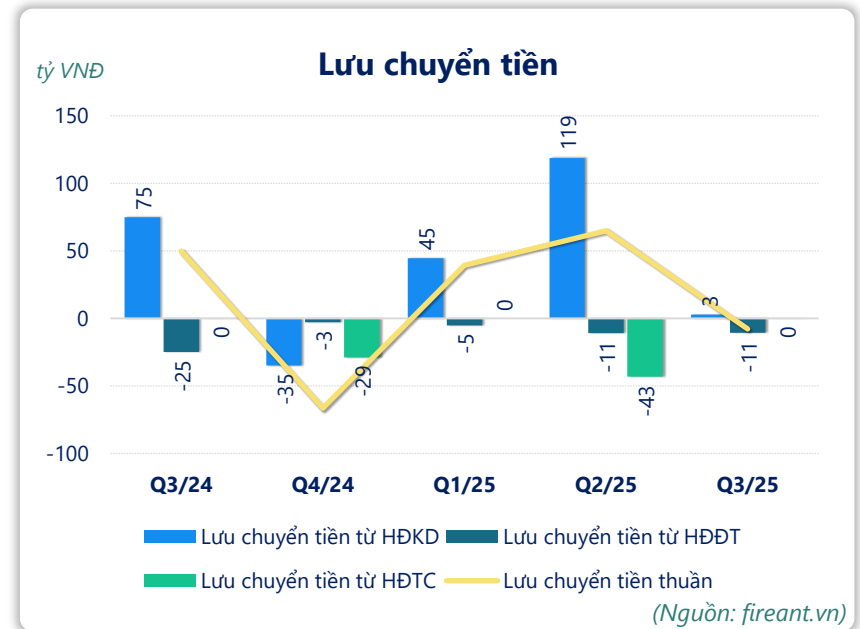
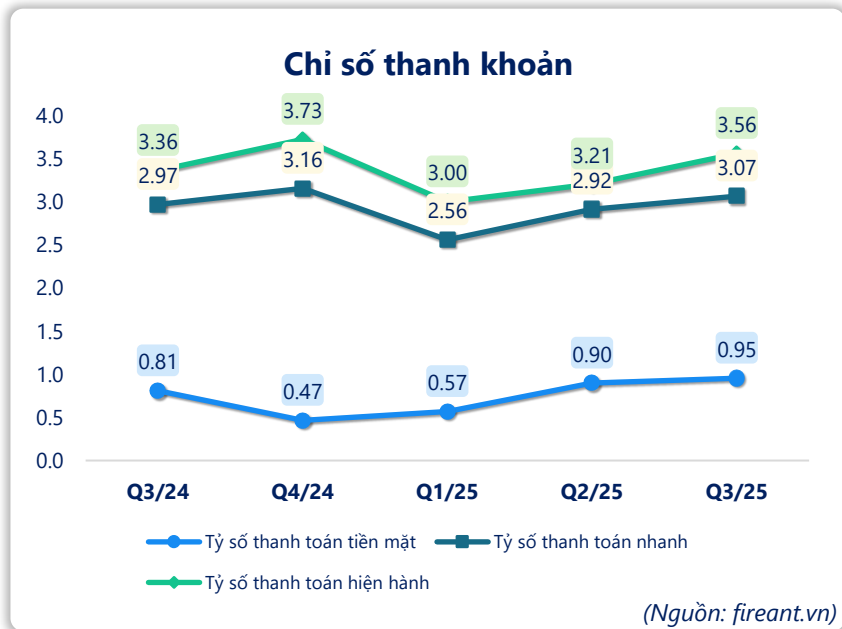
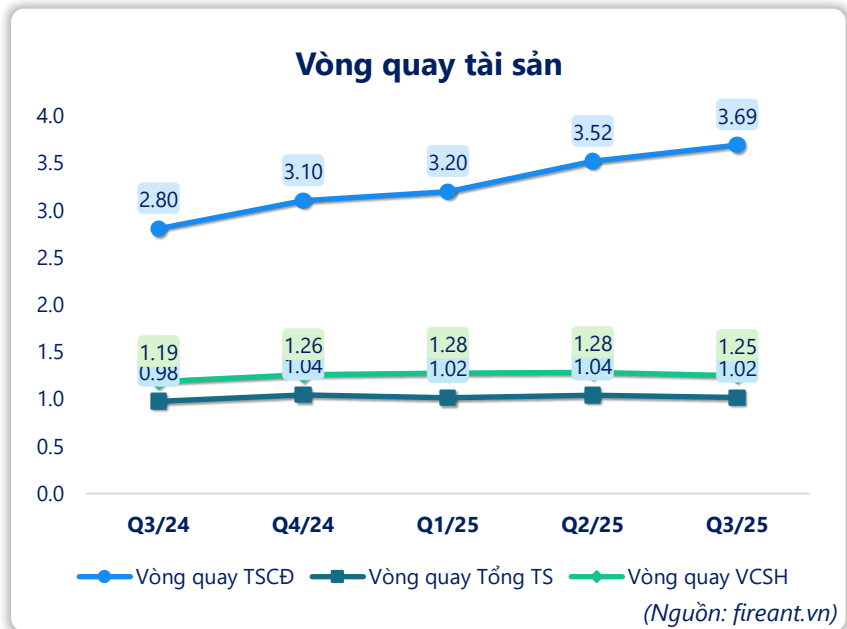
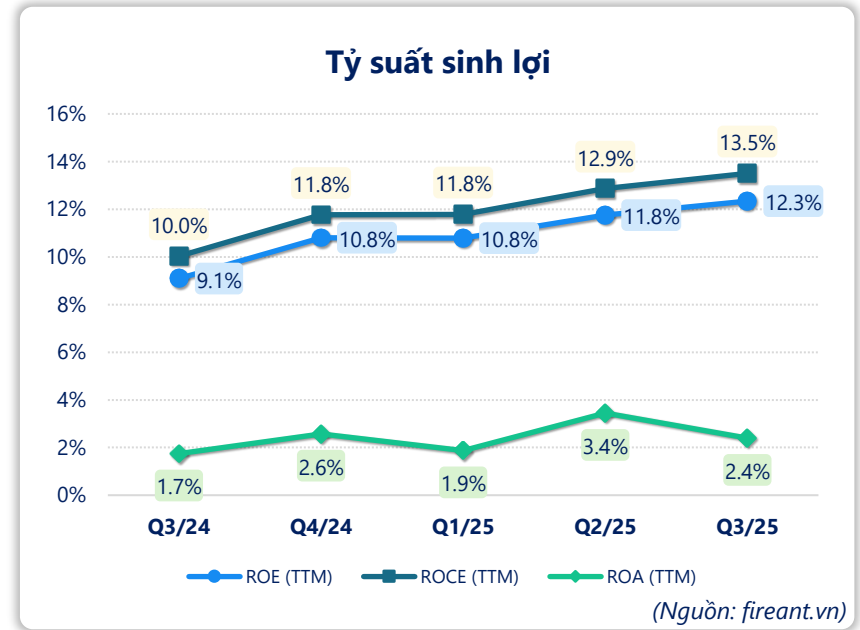
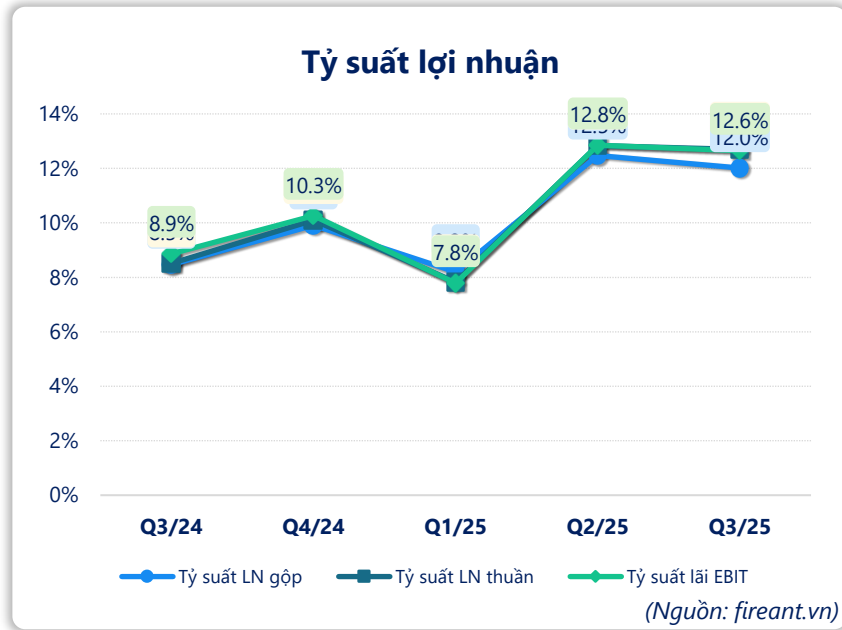
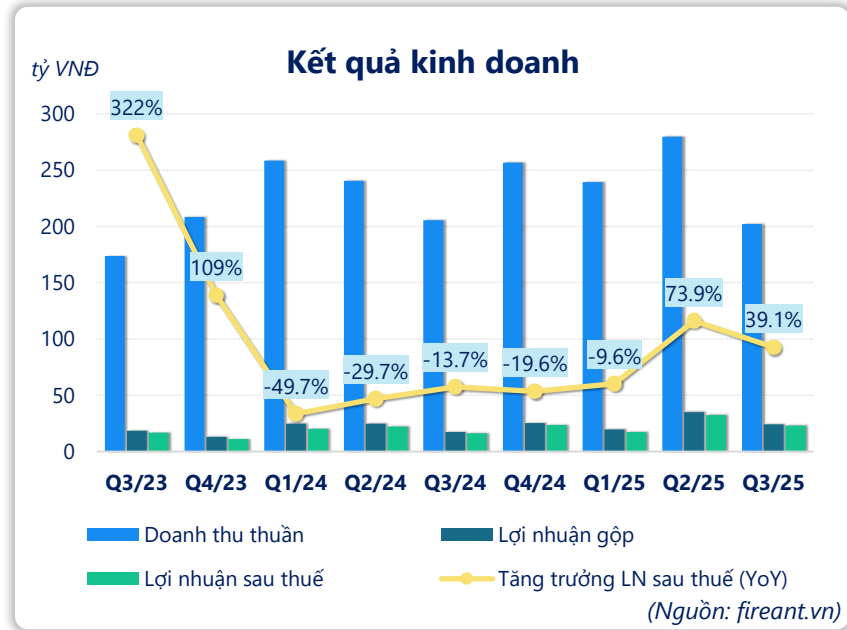


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		71,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		71,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		44,577
SL cổ phiếu LH		14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		995
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,035
P/E		10.7
EPS		6,663

	YTD	1T	3T	6T
WSB	10.9%	10.7%	13.9%	25.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	971	924	5.1%
Tài sản ngắn hạn	620	558	11.1%
Tiền và tương đương tiền	166	69.8	138%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	340	329	3.3%
Phải thu ngắn hạn	26.9	73.3	-63.3%
Hàng tồn kho	85.9	85.1	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.88	10.3%
Tài sản dài hạn	351	365	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	238	279	-14.5%
Bất động sản đầu tư	1.99	2.11	-5.7%
Tài sản dở dang	25.2	13.7	84.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.9	51.3	26.6%
Tài sản dài hạn khác	20.4	19.7	3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	180	156	15.4%
Nợ ngắn hạn	174	150	16.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.0	22.6	-37.9%
Nợ dài hạn	5.64	5.89	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	791	768	3.0%
Vốn chủ sở hữu	791	768	3.0%
Vốn điều lệ	145	145	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	206	257	240	280	202
Giá vốn hàng bán	188	231	220	245	178
Lợi nhuận gộp	17.4	25.4	19.6	34.9	24.3
Doanh thu HĐTC	4.89	5.62	5.12	6.14	6.19
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.05	0.29	-0.20	0.11	0.44
Chi phí bán hàng	0.23	0.23	0.28	0.36	0.18
Chi phí QLDN	4.61	5.18	5.53	4.87	5.07
LN thuần từ HĐKD	17.5	25.9	18.7	35.9	25.6
Lợi nhuận khác	0.73	0.41	-0.10	0.03	-0.09
LN trước thuế	18.2	26.3	18.7	35.9	25.6
Lợi nhuận sau thuế	16.3	23.7	17.4	32.5	23.0
LNST của CĐ cty mẹ	16.3	23.7	17.4	32.5	23.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.7	-34.8	44.5	119	2.88
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.9	-2.77	-5.19	-10.8	-10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.04	-28.8	0	-43.1	-0.01
Tiền đầu kỳ	86.3	136	69.8	109	174
Lưu chuyển tiền thuần	49.8	-66.3	39.4	64.9	-7.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	136	69.8	109	174	166

(Nguồn: fireant.vn)